TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2021
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích, ông Hoàng Văn Thành.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2020 về việc "Ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:79/2021/QĐXX-ST ngày 02/7/2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2021/QĐ-ST ngày 26/7/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Hà Văn T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
***Bị đơn:** Chị Pan, Mei- L, sinh năm 1978. (xin vắng mặt)
Sinh quán: số 56/32/10, đường B, phường 5, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Địa chỉ: Số nhà 14, hẻm 18, ngõ 298, đoạn V, đường P, cụm 01, thôn D, xã P, huyện C, Đài Loan.
(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là anh Hà Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình sinh sống và làm việc ở Đài Loan anh có quen biết với chị Pan, Mei-L. Qua tìm hiểu được biết khi đó chị Pan, Mei-L đã ly hôn với người khác. Đến năm 2018 anh và chị Pan, Mei-L đã tổ chức cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày

27/8/2018. Quá trình chung sống sau đó vợ chồng nảy sinh bất đồng quan điểm sống, hay cãi cọ nhau. Tháng 02 năm 2019 chị Pan, Mei-L về Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc nhưng đến tháng 7 năm 2019 thì chị Pan, Mei-L đã chặn số máy của anh. Hiện anh và chị Pan, Mei-L không còn liên lạc với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Pan, Mei-L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

* Bị đơn là chị Pan, Mei-L có địa chỉ tại Đài Loan, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 31/UTTPDS-TA5 ngày 26/10/2020 gửi Bộ Tư pháp về việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật (Hồ sơ ủy thác tư pháp số 30/UTTPDS-TA5 ngày 26/10/2020).

Tại công văn số 805/BTP-PLQT ngày 12/4/2021 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung: "Bộ Tư pháp đã nhận được Văn bản số 1100053085 ngày 11/03/2021 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý cơ quan tại công văn số 31/UTTPDS-TA5 ngày 26/10/2020 đối với đương sự Pan, Mei-L có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 25/02/2021 bằng phương thức: gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an.

Bộ Tư pháp xin gửi văn bản nói trên và các tài liệu kèm theo để Quý cơ quan giải quyết theo thẩm quyền".

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Pan, Mei-L không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh T. Chị Pan, Mei-L cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hà Văn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Pan, Mei-L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của anh Hà Văn T; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì anh Hà

Văn T chấp hành đúng quy định pháp luật; chị Pan, Mei-L không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Pan, Mei-L ;

+ Về con chung: anh Hà Văn T khai không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Hà Văn T khai không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết

+ Về chi phí tố tụng: anh Hà Văn T phải chịu án phí ly hôn, chi phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hà Văn T là công dân Việt Nam, địa chỉ: thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện anh Hà Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Pan, Mei-L. Chị Pan, Mei-L là công dân có quốc tịch: Trung Quốc hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cư trú tại địa chỉ: Số nhà 14, hẻm 18, ngõ 298, đoạn V, đường P, cụm 01, thôn D, xã P, huyện C, Đài Loan. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp "ly hôn" có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Anh Hà Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Pan, Mei-L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt anh Hà Văn T và chị Pan Mei - Ling.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Hà Văn T trình bày: Trong quá trình sinh sống và làm việc ở Đài Loan anh có quen biết với chị Pan, Mei-L. Qua tìm hiểu được biết khi đó chị Pan,

Mei-L đã ly hôn với người khác. Đến năm 2018 anh và chị Pan, Mei- L đã tổ chức cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 27/8/2018. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, hay cãi cọ nhau. Tháng 02 năm 2019 chị Pan, Mei- L và Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc nhưng đến tháng 7 năm 2019 thì chị Pan, Mei-L đã chặn số máy của anh. Hiện anh và chị Pan, Mei-L không còn liên lạc với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin ly hôn với chị Pan, Mei-L.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Anh Hà Văn T và chị Pan, Mei-L kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 27/8/2018. Do vậy HĐXX xác định quan hệ hôn nhân của anh Hà Văn T và chị Pan, Mei-L là hợp pháp. Hiện nay chị Pan, Mei-L và anh Hà Văn T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Hà Văn T và chị Pan, Mei-L đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hà Văn T và chị Pan, Mei-L được xác định là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn Thuỷ, xử cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Pan, Mei-L.

[4]. Về con chung: Anh Hà Văn T khai vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Hà Văn T khai không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, anh Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo biên lai số

AA/2018/0000719 ngày 21/10/2020. Xác nhận anh Hà Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000729 ngày 04/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Hà Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Anh Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: 0000098 ngày 23/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Hà Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 244, Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T được ly hôn chị Pan, Mei-L .

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: anh Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2018/0000719 ngày 21/10/2020. Xác nhận anh Hà Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp:

+ Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000729 ngày 04/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Hà Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

+ Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Anh Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: 0000098 ngày 23/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Hà Văn T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Pan, Mei-L cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Hà Văn T hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ong Thân Thắng